

Bản án số: 2147/2023/KDTM-ST

Ngày: 26-9-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

2. Bà Nguyễn Thị Nhơn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 158/2024/TLST- KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 654/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 544/2024/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Tập đoàn S

Địa chỉ: Phường D, Thành phố A, tỉnh I.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Huỳnh Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Phường M, quận P, Thành phố H.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH Xây dựng Nam B

Địa chỉ: Phường N, quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2023 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày: Ngày 15/11/2021, giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn S (gọi tắt công ty S) và Công ty TNHH Xây dựng Nam B (công ty Nam B) ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2021/HĐXD/HSN-NB (sau đây gọi tắt là Hợp đồng 01). Theo quy định hợp đồng, công ty Nam B có trách nhiệm xây dựng hạng mục công trình nền nhà xưởng Hoa Sen Home Long Mỹ - Hậu Giang (Địa chỉ: khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang) cho Công ty S. Giá trị Hợp đồng 01 đã bao gồm thuế

VAT là 99.004.700 đồng (theo chi tiết đơn giá được nêu trong bảng dự toán đính kèm Hợp đồng). Giá trị Hợp đồng hoàn thành được xác định bằng cách lấy khối lượng hoàn thành thực tế tại công trình nhân với đơn giá Hợp đồng. Giá trị Hợp đồng hoàn thành này là căn cứ để Công ty S thanh toán cho Công ty Nam B.

Thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng 01, công ty Nam B đã thi công hoàn tất công trình theo các hạng mục đã thỏa thuận. Ngày 12/12/2021, công ty S và công ty Nam B ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng. Đồng thời, hai bên đã ký bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng. Hai bên đã thống nhất công việc thực hiện và giá trị quyết toán thực (sau thuế) là 86.213.098 đồng. Công ty S có nghĩa vụ thanh toán cho công ty Nam B số tiền theo giá trị quyết toán là 86.213.098 đồng.

Ngày 30/12/2021, giữa Công ty S và Công ty Nam B ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 02/2021/HĐXD/HSG-NB (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 02). Theo quy định Hợp đồng số 02, công ty Nam B có nghĩa vụ thực hiện hạng mục công trình: "Nâng cấp Cửa hàng Hoa Sen Home Kiên Lương - Kiên Giang" (Địa chỉ: Tổ 13, khu phố Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang) cho Công ty S. Tổng giá trị Hợp đồng là 3.637.115.845 đồng (đã bao gồm VAT). Giá trị Hợp đồng hoàn thành được xác định bằng cách lấy khối lượng hoàn thành thực tế tại công trình nhân với đơn giá Hợp đồng. Giá trị Hợp đồng hoàn thành này là căn cứ để Công ty S thanh toán cho Công ty Nam B. Điều 5 Hợp đồng 02 quy định về thanh toán và quyết toán, Công ty S có nghĩa vụ tạm ứng cho Công ty Nam B số tiền là 1.091.134.753 đồng. Ngày 21/01/2022, Công ty S đã thanh toán đủ số tiền tạm ứng này cho Công ty Nam B, Công ty Nam B đã nhận đủ số tiền tạm ứng từ Công ty S. Điều 3 Hợp đồng 02 quy định là Công ty Nam B phải hoàn thành toàn bộ công việc và bàn giao công trình đạt yêu cầu cho Công ty S trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng từ Công ty S.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thi công, Công ty Nam B không thực hiện đúng tiến độ xây dựng như quy định trong Hợp đồng. Hết thời hạn 60 ngày theo quy định Hợp đồng mà Công ty Nam B không hoàn thành các hạng mục công trình như đã thỏa thuận để bàn giao công trình cho công ty S. Vì vậy, công ty S và công ty Nam B đã thống nhất là công ty Nam B đã thi công xong hạng mục công trình nào thì hai bên sẽ quyết toán những hạng mục công trình đó. Ngày 20/10/2022, giữa công ty Nam B và công ty S ký Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 02 có nội dung như sau:

Sửa đổi điểm a Điều 4 giá trị Hợp đồng đã bao gồm VAT là 779.280.065 đồng; Sửa đổi, thay thế Bảng dự toán Hợp đồng theo đúng giá trị Phụ lục Hợp đồng là 779.280.065 đồng. Công ty S và Công ty Nam B đã thống nhất giá trị khối lượng các hạng mục công trình và giá trị thanh toán mà Công ty S phải thanh toán cho Công ty Nam B là 779.280.065 đồng. Trong quá trình thi công công trình cho Công ty S theo Hợp đồng số 02, Công ty Nam B mua các vật tư của Cửa hàng hoa sen Kiên Lương thuộc Chi nhánh Công ty S tại Kiên Giang (là đơn vị trực thuộc Công ty Hoa Sen, sau đây gọi là "Chi nhánh Kiên Giang"). Công ty Nam B còn nợ Chi nhánh Kiên Giang số tiền là hàng mua tôn, thép hộp, thép dây đối với hóa đơn số 0046700 ngày 04/05/2022 số tiền 39.371.616 đồng. Ngày 07/11/2022, giữa ba bên gồm Công ty S, Chi nhánh Kiên Giang và Công ty Nam B đã thống nhất ký kết Bảng đối chiếu và kết chuyển công nợ Số 071122.01/HSG-NB-CNKL. Giữa ba bên đã đối chiếu và thống nhất công nợ như

sau: Tính đến ngày 07/11/2022, Công ty Nam B còn nợ Chi nhánh Kiên Giang số tiền là 39.371.616 đồng. Số tiền mà Công ty Nam B phải trả cho Chi nhánh Kiên Giang sẽ được Công ty Nam B chuyển sang phải trả cho Công ty S. Đến nay, Công ty Nam B chưa thanh toán số tiền này cho Công ty S. Công ty Nam B và Công ty S đã thống nhất việc cản trừ nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng số 01, Hợp đồng số 02 và công nợ tiền mua hàng mà Công ty Nam B còn phải trả cho Công ty S, cụ thể như sau: Công ty S thanh toán cho Công ty Nam B theo giá trị quyết toán Hợp đồng số 01 là 86.213.098 đồng; Công ty S thanh toán cho Công ty Nam B giá trị quyết toán Hợp đồng số 02 là 779.280.065 đồng; Công ty S đã tạm ứng cho Công ty B số tiền theo Hợp đồng số 02 là 1.091.134.753 đồng; Công ty Nam B nợ tiền mua hàng của Công ty S là 39.371.616 đồng. Như vậy, sau khi cản trừ giá trị quyết toán của Hợp đồng số 01, Hợp đồng số 02 và công nợ tiền mua hàng với số tiền mà Công ty S đã tạm ứng theo quy định của Hợp đồng số 02 thì Công ty Nam B còn phải trả cho Công ty S số tiền là 265.013.206 đồng.

Ngày 24/09/2022, Công ty Nam B gửi đến Công ty S Công văn số 30.2022.CV/CPG01. Theo nội dung Công văn, Công ty Nam B thống nhất việc cản trừ công nợ giữa hai bên, xác nhận số tiền mà Công ty Nam B phải hoàn trả lại cho Công ty S là 265.009.088 đồng. Công ty Nam B đề nghị hai bên hoàn thành thủ tục còn lại để Công ty Nam B hoàn thành hoàn tất thanh toán số tiền còn lại cho Công ty S. Ngày 11/11/2022, Công ty S gửi cho Công ty Nam B Công văn số 590/CV/HS/2022 về việc hoàn trả tiền theo Hợp đồng. Công ty S yêu cầu Công ty Nam B hoàn trả tiền còn lại sau khi cản trừ công nợ giữa hai bên là 265.013.206 đồng, thời gian hoàn trả là trước ngày 21/11/2022. Công ty Nam B đã nhận được Công văn này nhưng không thực hiện việc hoàn trả tiền nợ còn lại cho Công ty S. Ngày 12/12/2022, Công ty S gửi cho Công ty Nam B Công văn số 654/CV-HS/2022 về việc hoàn trả tiền theo Hợp đồng. Công ty S yêu cầu Công ty Nam B hoàn trả số tiền sau khi cản trừ công nợ giữa hai bên là 265.013.206 đồng, thời gian hoàn trả là trước ngày 20/12/2022. Công ty Nam B đã nhận được Công văn này nhưng không thực hiện việc hoàn trả tiền nợ còn lại cho Công ty S. Ngày 25/07/2023, Công ty Nam B gửi cho Công ty S Công văn số 03/2023/CV/CPG01/HSE với chủ đề "Kế hoạch thanh toán khoản tiền hoàn ứng". Công ty Nam B xác nhận còn nợ Công ty S số tiền là 265.013.206 đồng. Công ty Nam B đưa ra kế hoạch trả xong số tiền này cho Công ty S là đến ngày 20/12/2023 là xong.

Tuy nhiên, Công ty Nam B không thực hiện đúng cam kết trả nợ này. Đến nay, Công ty Nam B chưa trả cho Công ty S bất kỳ khoản tiền nào. Trong thời gian qua, Công ty S nhiều lần yêu cầu Công ty Nam B thực hiện việc hoàn trả số tiền nêu trên cho Công ty S nhưng Công ty Nam B không thực hiện.

Yêu cầu khởi kiện cụ thể: Buộc Công ty Nam B có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ còn lại là 265.013.206 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười ba ngàn hai trăm lẻ sáu đồng) cho Công ty S trả ngay sau khi Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn công ty Nam B đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty Nam B không cử đại diện đến Tòa án để trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt công ty Nam B theo quy định của pháp luật.

Vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Huỳnh Thanh T trình bày: Công ty S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu công ty Nam B trả toàn bộ số tiền còn thiếu là 265.013.206 đồng. Không yêu cầu tính lãi. Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn công ty TNHH xây dựng Nam B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Nam B phải thanh toán toàn bộ nợ còn thiếu là 265.013.206 đồng (kèm theo bài phát biểu ngày 26/9/2024).

- Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng. Hiện nay bị đơn công ty Nam B có trụ sở tại Phường N, quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[1.2] Về thủ tục vắng mặt: Bị đơn công ty TNHH xây dựng Nam B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét giữa nguyên đơn và bị đơn có ký với nhau 02 hợp đồng thi công xây dựng số 01/2021/HĐXD/HSG-NB và hợp đồng số 02/2021/HĐXD/HSG-NB về việc thi công. Cả hai hợp đồng đều đảm bảo các điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 138, 139 Luật xây dựng. Do đó, đây là hợp đồng có hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền còn thiếu của hai hợp đồng xây dựng số tiền 265.013.206 đồng; theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì ngày 25/7/2023 bị đơn có gửi cho nguyên đơn công văn về việc thống nhất số tiền còn thiếu là 265.013.206 đồng và xin thời gian trả nợ, nhưng sau khi có văn bản nêu trên công ty Nam B cũng không trả bất cứ khoản tiền nào theo cam kết. Căn cứ

công văn thì việc bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 265.013.206 đồng. Trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bị đơn không có mặt, không trình bày ý kiến chứng tỏ bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và những chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án thì có căn cứ cho rằng bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T là phù hợp.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí hoàn lại số tiền án phí đã tạm đóng.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 468 Luật Dân Sự; Điều 138, Điều 139 Luật xây dựng 2014.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty cổ phần tập đoàn S.

Buộc công ty TNHH xây dựng Nam B trả cho công ty cổ phần tập đoàn S số tiền 265.013.206 (hai trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười ba ngàn hai trăm lẻ sáu) đồng. Trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[2.1] Công ty cổ phần tập đoàn S không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm hoàn lại số tiền án phí đã tạm đóng 6.625.000 đồng số AA/2023/0029349 ngày 18/01/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự quận T trả lại cho công ty cổ phần tập đoàn S.

[2.2] Công ty TNHH xây dựng Nam B phải chịu án phí số tiền 13.251.000 đồng (mười ba triệu hai trăm năm mươi một ngàn) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh